

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hiệu chỉnh, bổ sung Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 và Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị - Công viên – Trung tâm hành chính mới của tỉnh Khánh Hòa (khu vực 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định về quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Luật Xây dựng và Luật Quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị - Công viên – Trung tâm hành chính mới của tỉnh Khánh Hòa (khu vực 1);

Căn cứ Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, bổ sung quy hoạch cầu nối Khu I thuộc Khu đô thị - công viên – trung tâm hành chính mới tỉnh Khánh Hòa và Khu dân cư Hòn Ró II, thành phố Nha Trang;

Căn cứ Văn bản số 56/BXD-PTĐT ngày 06/8/2019 của Bộ Xây dựng V/v chuyển quyền sử dụng đất đã đầu tư hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở tại dự án Khu vực 1 thuộc Khu đô thị - Công viên – Trung tâm hành chính mới của tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Thông báo số 123/TB-UBND ngày 01/4/2021 Kết luận về kết quả rà soát một số kiến nghị của các chủ đầu tư dự án có trong Thông báo kết luận số 1919/TB-TTCT ngày 04/11/2020 của Thanh tra Chính phủ;



Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư Lạc Hồng tại Tờ trình số 368/TTr-LH ngày 24/02/2022 về việc thẩm định, phê duyệt bổ sung Bản đồ quy hoạch chi tiết sử dụng đất (từng ô đất), Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu I thuộc Khu đô thị - Công viên - Trung tâm hành chính mới tỉnh Khánh Hòa và văn bản số 798/SXD-KTQH ngày 18/3/2022 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hiệu chỉnh, bổ sung Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị - Công viên - Trung tâm hành chính mới của tỉnh Khánh Hòa (khu vực 1) với những nội dung chính như sau:

1. Hiệu chỉnh Điểm 2 Mục IV Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 15/8/2014:

- Hiệu chỉnh tầng cao tại bảng tổng hợp chi tiết quy hoạch sử dụng đất từ 2,5 tầng thành 03 tầng; Bổ phần Ghi chú tại bảng tổng hợp chi tiết quy hoạch sử dụng đất. Bảng tổng hợp chi tiết Quy hoạch sử dụng đất sau khi đính chính 02 nội dung trên như sau:

TT	CHỨC NĂNG	KÝ HIỆU	DT LÔ ĐẤT (m ²)	MỖXD (%)	DTXD (m ²)	TỔNG DT SẢN (m ²)	TẦNG CAO (tầng)
1	ĐẤT BIỆT THỰ	BT	34.963	44,39%	15.520	36.275	
		BT01	5.180	40,93%	2.120	5.025	3
		BT02	4.921	46,33%	2.280	5.220	3
		BT03	7.705	39,97%	3.080	7.280	3
		BT04	4.392	47,81%	2.100	4.865	3
		BT05	5.886	51,65%	3.040	6.960	3
		BT06	6.879	42,16%	2.900	6.925	3
2	ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG CỘNG	DV	4.665	35,50%	1.656	5.764	4
3	ĐẤT CÂY XANH	CX	21.601				
		CX01	416				
		CX02	396				
		CX03	6.441				
		CX04	8.675				
		CX05	1.353				
		CX06	4.320				
4	ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN	DT	3.754				
5	ĐẤT BÀI ĐỖ XE	P01	3.817	3,56%	136	136	1
6	ĐẤT GIAO THÔNG	GT	23.105				
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT			91.905				

- Bổ sung bảng thống kê chi tiết quy hoạch sử dụng đất (từng ô đất) như sau:

BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT (TỪNG Ô ĐẤT)

STT	CHỨC NĂNG	KÝ HIỆU	DT LÔ ĐẤT (m ²)	MẬT ĐỘ XD (%)	TẦNG CAO	DT XÂY DỰNG (m ²)	HSSDD (lần)	TỔNG DT SÀN (m ²)
1	ĐẤT BIỆT THỰ	BT	34.963	44,39	3	15.520	1,04	36.275
		BIỆT THỰ KINH DOANH SỐ 1						
		BT01	5.180	40,93	3	2.120	0,97	5.025
		BT01-1	379	42,22	3	160	0,98	370
		BT01-2	417	38,37	3	160	0,89	370
		BT01-3	768	39,06	3	300	0,91	700
		BT01-4	741	40,49	3	300	0,94	700
		BT01-5	375	40,00	3	150	0,96	360
		BT01-6	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT01-7	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT01-8	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT01-9	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT01-10	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT01-11	625	48,00	3	300	1,12	700
		BIỆT THỰ KINH DOANH SỐ 2						
		BT02	4.921	46,33	3	2.280	1,06	5.220
		BT02-1	426	46,95	3	200	1,06	450
		BT02-2	397	42,82	3	170	1,01	400
		BT02-3	372	45,70	3	170	1,08	400
		BT02-4	500	54,00	3	270	1,20	600
		BT02-5	383	44,39	3	170	1,04	400
		BT02-6	375	45,33	3	170	1,07	400
		BT02-7	375	45,33	3	170	1,07	400
		BT02-8	375	45,33	3	170	1,07	400
		BT02-9	375	45,33	3	170	1,07	400
		BT02-10	445	44,94	3	210	1,03	460
		BT02-11	429	48,95	3	200	1,04	450
		BT02-12	469	44,78	3	210	0,98	460
		BIỆT THỰ KINH DOANH SỐ 3						
		BT03	7.705	39,97	3	3.080	0,94	7.280
		BT03-1	816	42,89	3	350	1,04	850
		BT03-1	881	39,73	3	350	0,96	850
		BT03-3	382	39,27	3	150	0,96	365
		BT03-4	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT03-5	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT03-6	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT03-6	504	39,68	3	200	0,89	450
		BT03-8	504	39,68	3	200	0,89	450
		BT03-9	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT03-10	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT03-11	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT03-12	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT03-13	427	39,81	3	170	0,94	400
		BT03-14	440	38,64	3	170	0,91	400
		BT03-15	563	39,08	3	220	0,85	480
		BT03-16	563	39,08	3	220	0,85	480
		BIỆT THỰ KINH DOANH SỐ 4						
		BT04	4.392	47,81	3	2.100	1,11	4.865
		BT04-1	615	48,78	3	300	1,15	710
		BT04-2	367	49,05	3	180	1,12	410

		BT04-3	375	48,00	3	180	1,09	410
		BT04-4	375	48,00	3	180	1,09	410
		BT04-5	375	48,00	3	180	1,09	410
		BT04-6	375	48,00	3	180	1,09	410
		BT04-7	375	48,00	3	180	1,09	410
		BT04-8	375	48,00	3	180	1,09	410
		BT04-9	375	48,00	3	180	1,09	410
		BT04-10	373	48,26	3	180	1,10	410
		BT04-11	412	43,69	3	180	1,13	465
		BIỆT THỰ KINH DOANH SỐ 5						
		BT05	5.886	51,65	3	3.040	1,18	6.960
		BT05-1	356	50,56	3	180	1,12	400
		BT05-2	365	52,05	3	190	1,10	400
		BT05-3	365	52,05	3	190	1,10	400
		BT05-4	365	52,05	3	190	1,10	400
		BT05-5	365	52,05	3	190	1,10	400
		BT05-6	365	52,05	3	190	1,23	450
		BT05-7	365	52,05	3	190	1,23	450
		BT05-8	365	52,05	3	190	1,23	450
		BT05-9	365	52,05	3	190	1,23	450
		BT05-10	365	52,05	3	190	1,23	450
		BT05-11	365	52,05	3	190	1,23	450
		BT05-12	365	52,05	3	190	1,23	450
		BT05-13	365	52,05	3	190	1,23	450
		BT05-14	365	52,05	3	190	1,23	450
		BT05-15	365	52,05	3	190	1,23	450
		BT05-16	420	47,62	3	200	1,10	460
		BIỆT THỰ KINH DOANH SỐ 6						
		BT06	6.879	42,16	3	2.900	1,01	6.925
		BT06-1	500	46,00	3	230	1,00	500
		BT06-2	550	43,64	3	240	0,91	500
		BT06-3	380	39,47	3	150	0,96	365
		BT06-4	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT06-5	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT06-6	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT06-7	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT06-8	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT06-9	502	49,80	3	250	1,27	640
		BT06-10	376	39,89	3	150	0,97	365
		BT06-11	375	40,00	3	150	0,97	365
		BT06-12	382	39,27	3	150	0,96	365
		BT06-13	720	41,67	3	300	1,04	750
		BT06-14	516	44,57	3	230	0,97	500
		BT06-15	703	42,67	3	300	1,07	750
2	ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG CỘNG	DV	4.665	35,50	4	1.650	1,24	5.764
3	ĐẤT CÂY XANH	CX	21.601					
		CX01	416					
		CX02	396					
		CX03	6.441					
		CX04	8.675					
		CX05	1.353					
		CX06	4.320					
4	ĐẤT DỰ TRỮ	DT	3.754					

PHÁT TRIỂN								
5	ĐẤT BÃI ĐỒ XE	P01	3.817	3,56	1	136	0,03	136
6	ĐẤT GIAO THÔNG	GT	23.105					
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT			91.905					

2. Bổ sung bản vẽ Bản đồ Quy hoạch chi tiết sử dụng đất (từng ô đất) (QH04B); Bổ sung một số nội dung vào Quy định quản lý xây dựng trong hồ sơ đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị - Công viên – Trung tâm hành chính mới của tỉnh Khánh Hòa (Khu vực 1).

Điều 2. Các nội dung khác còn lại giữ nguyên theo Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 và Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh.


Điều 3. Phân công thực hiện: Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Cục Thuế tỉnh; UBND thành phố Nha Trang căn cứ nội dung tại Điều 1 Quyết định này và theo chức năng, nhiệm vụ được giao quản lý, có trách nhiệm kiểm tra, rà soát để thực hiện các thủ tục có liên quan về đầu tư, đất đai, nghĩa vụ tài chính đất đai, cấp phép xây dựng và các nội dung khác của dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Tài chính; Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Nha Trang; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Lạc Hồng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cơ quan liên quan;
- Lưu: VT, SV, KN, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

